

Số: /BC-SKHĐT

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

**Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
và phòng, chống tham nhũng Quý III và 9 tháng đầu năm 2021**

(Số liệu từ ngày 06/6/2021 đến ngày 05/9/2021)

Thực hiện Công văn số 466/TTr-VP, ngày 08/9/2021 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý III và 9 tháng đầu năm 2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau

Phần 1

KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CÔNG TÁC QUÝ III/2021 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

09 tháng đầu năm không có tổ chức, công dân đến Bộ phận tiếp công dân của Sở để khiếu nại, tố cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; trong kỳ, Sở đã tiếp nhận 06 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh¹. Các đơn khiếu nại tập trung vào các lĩnh vực như: Tranh chấp giữa các thành viên trong công ty thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân trong quý III/2021 và 9 tháng đầu năm 2021: Trong kỳ, không có công dân đến trụ sở tiếp công dân của Sở phản ánh, kiến nghị và khiếu nại, tố cáo.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo quý III/2021:

- a. Tiếp nhận: 02 đơn khiếu nại
- b. Phân loại đơn: 02 đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết
- c. Kết quả xử lý: 02 đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết đã tham mưu Sở ban hành văn bản trả lời, hướng dẫn công dân

3. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo tháng 9 tháng đầu năm 2021:

¹ 01 đơn tố cáo; 01 đơn kiến nghị và 04 đơn khiếu nại (có 02 đơn cùng một nội dung)

a. Tiếp nhận: 06 đơn (01 đơn tố cáo; 01 đơn kiến nghị và 04 đơn khiếu nại)

b. Phân loại đơn: 01 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết; 05 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết (01 đơn tố cáo; 01 đơn kiến nghị và 03 đơn khiếu nại)

c. Kết quả xử lý: 01 đơn khiếu nại đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại; 01 đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền đã có văn bản chuyển đơn; 01 phản ánh, kiến nghị đã có Công văn hướng dẫn; 03 khiếu nại (01 đơn không thuộc thẩm quyền, đơn gửi nhiều đơn vị trong đó có cơ quan có thẩm quyền giải quyết, xếp đơn không thụ lý; 02 không thuộc thẩm quyền giải quyết, tham mưu Sở ban hành văn bản trả lời, hướng dẫn công dân)

4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại: Đã giải quyết 01 đơn/01 vụ việc.

b) Kết quả giải quyết đơn tố cáo: 0 đơn/0 vụ việc.

c) Giải quyết đơn Kiến nghị, phản ánh: 0 đơn/0 vụ việc.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đảng uỷ, Lãnh đạo Sở đã lãnh đạo, chỉ đạo Bộ phận tiếp công dân của Sở thực hiện nghiêm Luật Tiếp công dân; Nội quy tiếp công dân của Sở. Đồng thời, kiện toàn tổ chức, đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bố trí Phòng tiếp công dân, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân và công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra đã lồng ghép trong các buổi phổ biến giáo dục pháp cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong Sở vào sáng thứ 2 tuần đầu tiên và tuần thứ 3 của tháng; địa điểm tại Hội trường của Sở. Thời lượng 60 phút/buổi.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Ưu điểm: Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị, Đảng uỷ, Lãnh đạo Sở đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và nhân viên trong Sở. Đồng thời, kiện toàn tổ chức, đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bố trí Phòng tiếp công dân, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Trong thời gian qua, công dân trực tiếp đến Bộ phận tiếp công dân của Sở để khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực kế hoạch và đầu tư là không có, nên phần nào cũng ảnh hưởng đến tâm lý chủ quan của công chức chuyên trách làm công tác tiếp công dân; công chức

làm công tác tiếp công dân chưa có kinh nghiệm trong việc ghi đầy đủ các thông tin vào Sổ theo dõi đơn thư.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH.

Trong thời gian tới, tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có khả năng tiếp tục phát sinh liên quan lĩnh vực tranh chấp giữa các thành viên trong công ty thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai phổ biến, quán triệt Luật khiếu nại, tố cáo, Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị và các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và của Nhà nước đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức trong Sở.

- Chủ động phối hợp với Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành trong việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng công chức chuyên trách làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Nâng cao vai trò của đảng viên, công chức, viên chức, lãnh đạo Sở trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Phần 2

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA QUÝ III/2021 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra, kiểm tra hành chính trong Quý III/2021: Không

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong Quý III/2021:

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra: 01 cuộc thanh tra Dự án cải tạo, bảo vệ, phát triển rừng kết hợp trang trại chăn nuôi bò thịt do Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Đại Hưng làm nhà đầu tư.

b) Kết quả thanh tra: Đang hoàn thiện báo cáo kết quả thanh tra.

3. Thanh tra, kiểm tra hành chính trong 9 tháng đầu năm 2021: Không

4. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong 9 tháng đầu năm 2021:

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đã triển khai: 03 cuộc ².

² Thanh tra chuyên ngành lĩnh vực kế hoạch và đầu tư tại UBND thị xã Buôn Hồ và UBND thành phố Buôn Ma Thuột và thanh tra Dự án cải tạo, bảo vệ, phát triển rừng kết hợp trang trại chăn nuôi bò thịt do Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Đại Hưng làm nhà đầu tư

- Lĩnh vực thanh tra chủ yếu: Thanh chuyên ngành lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

- Đã ban hành 01 kết luận thanh chuyên ngành lĩnh vực kế hoạch và đầu tư tại UBND thị xã Buôn Hồ và đang hoàn thiện kết luận thanh tra tại UBND thành phố Buôn Ma Thuột và báo cáo thanh tra Dự án cải tạo, bảo vệ, phát triển rừng kết hợp trang trại chăn nuôi bò thịt do Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Đại Hưng làm nhà đầu tư

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra.

- Qua công tác thanh tra đã phát hiện các sai sót, vi phạm về trình tự, thủ tục về tham mưu phân bổ vốn; về thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; về trình tự thủ tục trong công tác lựa chọn nhà thầu tại các chủ đầu tư và các đơn vị được thanh tra. Xử lý hành chính, đã yêu cầu các đơn vị kiểm điểm rút kinh nghiệm; xử lý kinh tế, đã đề nghị xuất toán, điều chỉnh giảm trừ thanh quyết toán với tổng giá trị là 7.450.000 đồng.

- Về xử lý vi phạm hành chính, đã xử phạt vi phạm hành chính 05 vụ việc với tổng số tiền phạt vi phạm hành chính là 50.000.000 đồng.

5. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra đã lồng ghép trong các buổi phổ biến giáo dục pháp cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong Sở vào sáng thứ 2 tuần đầu tiên và tuần thứ 3 của tháng; địa điểm tại Hội trường của Sở. Thời lượng 60 phút/buổi.

- Sở đã bố 01 phòng tiếp công dân có trang bị bàn ghế và trang thiết bị cần thiết; đã ban hành Quyết định số 109/QĐ-SKHĐT ngày 19/9/2017 về việc cử 01 công chức chuyên trách tiếp công dân và phân công 01 phó Chánh thanh tra Sở phụ trách tiếp công dân; phân công 01 Phó giám đốc Sở phụ trách Thanh tra Sở tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Theo định kỳ hàng tháng, lãnh đạo Sở tham gia buổi tiếp công dân chung của tỉnh tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh và tham gia họp báo định kỳ với UBND tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc vụ án tham nhũng và Chỉ thị 12/CT-TTg ngày 24/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Trong năm trong đơn vị không có trường hợp tham nhũng.

6. Xây dựng lực lượng:

Tổng số công chức Thanh tra Sở có: 05 người. Trong đó: Chánh thanh tra, 02 Phó Chánh thanh tra, 02 thanh tra viên (*gồm: 02 thanh tra viên chính và 03 thanh tra viên*) .

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Thuận lợi: Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Lãnh đạo Sở. Lãnh đạo Thanh tra Sở đã trực tiếp và chỉ đạo sát sao các cuộc thanh tra, kiểm tra cũng như các nhiệm vụ khác. Tập thể đoàn kết, từng các thành viên nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ và có sự phối hợp tốt của các phòng chuyên môn của sở.

2. Khó khăn: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, vì vậy công tác thanh tra cũng hết sức khó khăn. Tuy nhiên, hiện nay biên chế còn hạn chế, ngoài ra khối lượng thanh tra nhiều, phát sinh nhiều cuộc; giải quyết đơn khiếu nại có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, cơ quan, đơn vị nên ít nhiều làm ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ về thành tra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO:

03 tháng cuối năm, tập trung tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt Chương trình Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã phê duyệt, phân đấu hoàn thành 100% kế hoạch đã đề ra. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành, tập trung vào lĩnh vực đầu tư xây dựng theo Luật Đầu tư công, lồng ghép thanh tra việc thực hiện cơ chế đặc thù của các dự án theo Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới. Triển khai thanh tra hành chính công vụ tại 01 đơn vị thuộc sở. Triển khai hoàn thành tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất và các công việc khác theo chỉ đạo của lãnh đạo sở. Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc kết luận thanh tra, có biện pháp đề xuất xử lý các đơn vị chậm, không thực hiện kết luận thanh tra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: Không.

Phần 3

KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc tuyên truyền, phổ biến chương trình, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Ý thức được tầm quan trọng của việc kê khai tài sản, minh bạch thu nhập trong cán bộ công chức là việc hết sức quan trọng, do đó cấp ủy Đảng, Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo bộ phận Pháp chế tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể cán bộ, công chức viên chức (CBCCVC) cơ quan hiểu rõ và nắm được nội dung các văn bản chỉ đạo của Đảng, nhà nước cụ thể như: Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ chính trị; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ,

quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị.... nội dung tuyên truyền phổ biến được thực hiện vào các buổi sinh hoạt đầu giờ mỗi tháng 02 lần vào thứ hai tuần đầu tháng và tuần giữa tháng với thời lượng 60 phút/lần, ngoài ra còn được lồng ghép trong các kỳ sinh hoạt chi bộ thường kỳ và các kỳ giao ban của Sở. Số lượng cán bộ công chức được nghe phổ biến giáo dục pháp luật tương đối đầy đủ, ngoại trừ một số đồng chí vắng có lý do như đi học, đi họp hoặc đi công tác.. . Từ đó, việc triển khai tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của Sở đã đạt những kết quả nhất định, cán bộ công chức cơ quan ý thức hơn trong việc kê khai minh bạch tài sản hàng năm theo định kỳ quy định.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- *Về kê khai thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức hoạt động:* Sở đã thực hiện việc công khai, minh bạch các thông tin về công tác tổ chức cán bộ; về quản lý, thu chi ngân sách dự toán giao hàng năm; các Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng, đơn vị thuộc Sở, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công.

- *Về xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:* Sở đã ban hành Quyết định số 74/QĐ-SKHĐT ngày 9/7/2020 về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.

- *Về thực hiện ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:* Sở đã ban hành Quyết định số 103/QĐ-SKHĐT ngày 23/9/2019 về kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025; quy định rõ mục tiêu, cụ thể hóa được chuẩn mực về đạo đức, lối sống của công chức, viên chức.

- *Về thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:* Trong thời kỳ, Sở không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn.

- *Về thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:* Thực hiện tốt Thông tư số 136/2018/BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, đơn vị: Trong kỳ, không xảy ra hành vi tham nhũng tại đơn vị

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG:

Công tác phòng chống tham nhũng được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt về pháp luật phòng chống tham nhũng. Hàng năm có xây dựng, ban hành kế hoạch phòng chống tham nhũng để thực hiện. Công tác quy hoạch bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ, công chức, Đảng ủy Sở, lãnh đạo Sở, lãnh đạo tổ chức thực hiện đúng quy trình, có xin ý kiến của Đảng Ủy khối các

cơ quan và doanh nghiệp tỉnh và Sở Nội vụ và được công khai đúng quy định. Công tác quản lý tài chính, tài sản được thực hiện đúng pháp luật; đã xây dựng quy chế, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu nội bộ và được đánh giá tổng kết, công khai và niêm yết tại văn phòng cơ quan.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các văn bản pháp luật của Đảng, Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền về công tác phòng, chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức trong cơ quan nhằm nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, nâng cao vai trò của cán bộ, viên chức tham gia phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện công khai, minh bạch việc quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, tuyển dụng, công chức, viên chức cũng như việc xử lý, kỷ luật, công chức, viên chức. Tiếp tục tăng cường mạnh mẽ hơn nữa vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác PCTN, chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định cho phù hợp, đảm bảo cho công tác lãnh đạo, quản lý hiệu quả.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo với nội dung nêu trên; đề nghị Thanh tra tỉnh xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- GD, các PGD Sở;
- Văn phòng Sở (TH chung);
- Lưu: VT, TTr.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Y HƯƠNG NIÊ

Biểu số: 01/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

[illegible]

Biểu số: 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
9 tháng	06	-	-	-	-	06	-	05	06	-	04	01	01	01	-	-	-	01	01	-	-	05	03	01	-	-
Trong đó:																										
Quý III	02	-	-	-	-	02	-	02	02	-	02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	02	02	-	-	-
Tổng	06	-	-	-	-	06	-	05	06	-	04	01	01	01	-	-	-	01	01	-	-	05	03	01	-	-

Biểu số: 02/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết						Kết quả xử lý						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	$\frac{10+11+15+16}{+17=18+...+22=23+26}$	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	$\frac{26=27+28+29}{}$	27	28	29	30
9 tháng	04	-	-	-	04	04	-	04	01	01	01	01	-	-	-	-	-	04	-	-	-	-	01	01	-	03	03	-	-	-
Trong đó																														
Quý III	02	-	-	-	02	02	-	02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	02	-	-	-	-	-	-	-	02	02	-	-	-
Tổng	04	-	-	-	04	04	-	04	01	01	01	01	-	-	-	-	-	04	-	-	-	-	01	01	-	03	03	-	-	-

Biểu số: 03/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết		
MS	$1=2+...+7$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12=13+18+...+21=22+...+25=26+29$	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	$26=27+28$	27	28	$29=30+31+32$	30	31	32	33	
9 tháng	01	-	-	-	-	01	-	01	-	01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	01	-	-	-	-	-	-	-	-	01	-	01	-	-
Trong đó																																		
Quý III	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng	01	-	-	-	-	01	-	01	-	01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	01	-	-	-	-	-	-	-	01	-	01	-	-	

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021
(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đôn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+...+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
9 tháng	01	-	01	-	-	01	-	01	-	01	-	01	-	-	-	01	01	-	-	-	01	01	-	01
Trong đó																								
Quý III	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	01	-	01	-	-	01	-	01	-	01	-	01	-	-	-	01	01	-	-	-	01	01	-	01

Biểu số: 01/KQQQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)														
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+..+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
9 Tháng	01		01	01	01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	01	-	-	-	-	-	-
Quý III	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	01		01	01	01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	01	-	-	-	-	-	-

Biểu số: 02/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

Biểu số: 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỔ CẠO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

Biểu số: 04/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỔ CẢO

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

[illegible]

Biểu số: 02/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

[illegible]

Biểu số: 06/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra										
	Tổng số	Phân loại						Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Bảng tiền			Bảng hình thức khác													
		Triển khai từ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất																			Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17=18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32									
9 tháng	03	-	03	-	03		01	15	-	-			15		-	-	-	7,450	7,450	-	-	05	05	-	50	50	-	-	-	-	-	-	--								
Trong đó:																																									
Quý III	01	-	01	-	01	-	-	01	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-									
Tổng	02	-	02	-	02		01	15	-	-			15		-	-	-	7,450	7,450	-	-	05	05	-	50	50	-	-	-	-	-	--									

Biểu số: 07/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi tiền và tài sản quy thành tiền			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	Về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
9 tháng	7,450	7,450	-	-	-	-	50	50	-	5	5	-	-	-	
Trong đó:															
Quý III	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng	7,450	7,450	-	-	-	-	50	50	-	5	5	-	-	-	

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày 19/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ											Vi phạm và kết quả xử lý						
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
9 tháng	05	-	02	03	-	-	-	-	06	-	-	-	02	-	-	-	01	-	03	-	-	-	-	-	-	-
Quý III	05	-	02	03	-	-	-	-	06	-	-	-	02	-	-	-	01	-	03	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	05	-	02	03	-	-	-	-	06	-	-	-	02	-	-	-	01	-	03	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021**

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	SỐ LIỆU QUÝ III NĂM 2021
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	01	0
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	600	300
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	-	-
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động			
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	-	-
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	-	-
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ			
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	-	-
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	-	-
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	-	-
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	-	-
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	-	-
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	-	-
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	-	-
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-	-
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và	Triệu	-	-

	bồi thường	đồng		
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	-	-
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	-	-
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	-	-
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-	-
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	-	-
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	-	-
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	-	-
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>			
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	117	117
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	117	117
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	-	-
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	-	-
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	-	-
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	-	-
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	49	0
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	-	-
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	-	-
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	-	-
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	-	-
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	-	-
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	-	-
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	-	-

	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>			
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	-	-
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	-	-
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	-	-
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	-	-
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	-	-
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	-	-
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	-	-
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	-	-
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>			
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	-	-
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	-	-
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	-	-
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	-	-
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	-	-
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	-	-
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>			
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	-	-
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	-	-
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	-	-
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	-	-
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>			
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	-	-
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	-	-
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>			
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	-	-

57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	-	-
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>			
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	-	-
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	-	-
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>			
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	-	-
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	-	-
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	-	-
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	-	-
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG			
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	-	-
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	-	-
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	-	-
66.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	-	-
66.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	-	-
66.3	- <i>Cách chức</i>	Người	-	-
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	-	-
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	-	-
68.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	-	-
68.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	-	-
68.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	-	-
68.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	-	-
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	-	-
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	-	-
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	-	-
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	-	-
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>			

73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-	-
74	Đất đai	m ²	-	-
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>			
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-	-
75.1	<i>- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	-	-
75.2	<i>- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	-	-
76	Đất đai	m ²	-	-
76.1	<i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m ²	-	-
76.2	<i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m ²	-	-
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>			
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-	-
78	Đất đai	m ²	-	-
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC			
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức		
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức		
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức		
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ		
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người		
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người		
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021

(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	-	-	-	-	

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỎ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG^(*)**Số liệu tính từ ngày 06/12/2020 đến ngày 05/9/2021***(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHĐT ngày /9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
Tổng số:							